

CHÍNH PHỦ
Số: 87/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về đăng ký kinh doanh hợp tác xã

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định về đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- Nghị định này áp dụng đối với:
 - Hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2003;
 - Hợp tác xã đã thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996, nay chuyển sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2003;
 - Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp.
- Đối với hợp tác xã kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo quy định của luật chuyên ngành, trong trường hợp những nội dung trong Nghị định này và Nghị định chuyên ngành có sự khác nhau thì hợp tác xã thực hiện theo quy định của Nghị định chuyên ngành.

Điều 2. Quyền đăng ký kinh doanh

1. Thành lập và đăng ký kinh doanh hợp tác xã theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân và tổ chức được Nhà nước bảo hộ.
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được ban hành các quy định về đăng ký kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình.
3. Nghiêm cấm cơ quan đăng ký kinh doanh sách nhiễu, gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

Điều 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.
3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

1. Nội dung chủ yếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;
 - b) Ngành, nghề kinh doanh;
 - c) Vốn điều lệ hợp tác xã.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã lập theo mẫu thống nhất trong phạm vi cả nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc cấp huyện cấp cho hợp tác xã đều có giá trị như nhau và có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã.
2. Hướng dẫn hợp tác xã đăng ký kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó.
3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về hợp tác xã trong phạm vi địa phương; cung cấp thông tin về hợp tác xã trong phạm vi địa phương cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở cấp tỉnh, các phòng cấp huyện có liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ, cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
4. Khi xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh, nếu phát hiện nội dung đăng ký kê khai không chính xác, không đầy đủ thì yêu cầu người đăng ký kinh doanh hiệu đính hoặc làm lại hồ sơ đăng ký kinh doanh; nếu phát hiện nội dung đăng ký kê khai là giả mạo thì từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã theo nội dung đăng ký kinh doanh.
6. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh

Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn ba tháng, kể từ khi Nghị định này có hiệu lực, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tập hợp danh mục hợp tác xã trùng tên và hợp tác xã có tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác trên phạm vi địa phương; Trung tâm thông tin doanh nghiệp (thuộc Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tập hợp và đưa danh mục hợp tác xã trùng tên và hợp tác xã có tên gây nhầm

lẫn với hợp tác xã khác trong cả nước lên trang thông tin doanh nghiệp trong nước của hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp thực hiện báo cáo và thông báo kết quả đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003.

3. Hàng quý, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký kinh doanh của hợp tác xã thuộc địa bàn tỉnh.

Chương II

TÊN, BIỂU TƯỢNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 8. Tên của hợp tác xã

1. Tên của hợp tác xã gồm hai thành tố sau:

- a) Hợp tác xã;
- b) Tên riêng.

Tên riêng phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo một số chữ cái, chữ số và ký hiệu, phát âm được.

2. Hợp tác xã có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên hợp tác xã.

3. Tên viết tắt, con dấu, bằng hiệu của hợp tác xã, các hình thức quảng cáo, giới thiệu, giấy tờ giao dịch của hợp tác xã phải có ký hiệu “HTX”, liên hiệp hợp tác xã phải có ký hiệu “LHHTX” và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Những điều cấm trong đặt tên hợp tác xã

1. Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác trong phạm vi toàn quốc đã đăng ký.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hợp tác xã.

Điều 10. Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hợp tác xã có thể giữ nguyên tên tiếng Việt hoặc dịch tương ứng toàn bộ tên tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

Điều 11. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là trường hợp tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các hợp tác xã khác:

a) Tên bằng tiếng Việt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên hợp tác xã khác đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký chỉ khác tên hợp tác xã đã đăng ký bởi chữ “và” và ký hiệu “&;

c) Tên viết tắt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của hợp tác xã khác đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã khác đã đăng ký;

đ) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký khác với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự, một hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C,...) ngay sau tên riêng của hợp tác xã đó, trừ trường hợp hợp tác xã yêu cầu đăng ký là thành viên của liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

e) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký khác với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên của hợp tác xã khác đã đăng ký;

g) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký chỉ khác tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi các từ “Bắc”, “miền Bắc”, “Nam”, “miền Nam”, “Trung”, “miền Trung”, “Tây”, “miền